

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS -ST

Ngày: 22 tháng 5 năm 2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Quang

2. Ông Nguyễn Tấn Đạt

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19a/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Diệu T, sinh năm: xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H), sinh năm: xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện G, Tiền Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Nguyễn Văn U, sinh năm: xxxx

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện G, Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Diệu T, sinh năm: xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện G, Tiền Giang

3.2. Nguyễn Kim A, sinh năm: xxxx (Xin vắng mặt)

3.3. Nguyễn Hoàng P, sinh năm: xxxx (Xin vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của A, P: Chị Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H), sinh năm: 1965 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện G, Tiền Giang

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Diệu T trình bày:*

- Chị và chị H quen biết nhau qua việc buôn bán chung. Ngày 11/3/2017 âm lịch, chị H hỏi vay chị số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, vốn gốc hết 01 năm trả, giao tiền tại nhà chị H, có làm giấy nợ, chị H và anh T (chồng chị H) cùng ký vào giấy nợ, có thể chấp sổ đỏ đứng tên vợ chồng chị H, chị không nhớ rõ cụ thể. Trả lãi được vài tháng thì chị H ngưng luôn;

- Ngày 18/3/2017 âm lịch, chị H vay số tiền 80.000.000 đồng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất và thời hạn trả lãi và nợ như lần vay vào ngày 11/3/2017. Chị H có viết tiếp số tiền vay vào phía dưới nội dung giấy nợ ngày 11/3/2017 bằng mực viết màu đỏ và ký tên (phần còn trống phía bên trái của giấy nợ). Trả lãi được vài tháng thì ngưng luôn;

- Ngày 15/4/2017 âm lịch, chị H vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất và thời hạn trả lãi và nợ như ngày 11/3/2017. Chị H viết tiếp số tiền vay vào phía dưới nội dung giấy nợ ngày 11/3/2017 bằng mực viết màu xanh và ký tên dưới nội dung vay ngày 18/3/2017 (phần còn trống phía bên trái của giấy nợ). Trả lãi được vài tháng thì ngưng luôn;

- Ngày 25/6/2017 âm lịch, chị H vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng và thời hạn trả lãi và nợ như ngày 11/3/2017. Chị H có viết tiếp số tiền vay vào phía dưới nội dung giấy nợ ngày 11/3/2017 bằng mực viết màu xanh và ký tên (bên trái của giấy nợ phía dưới phần Chị Mười có giữ của vợ chồng chị 1 cuốn sổ đỏ đất V). Trả lãi được vài tháng thì ngưng luôn;

- Ngày 30/6/2017 âm lịch, chị H vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng và thời hạn trả lãi và nợ như ngày 25/6/2017. Chị H có viết tiếp số tiền vay vào phía dưới nội dung giấy nợ ngày 11/3/2017 bằng mực viết màu xanh và ký tên (bên phải của giấy nợ phía dưới phần Chị Mười có giữ của vợ chồng chị 1 cuốn sổ đỏ đất Vàm Láng). Trả lãi được vài tháng thì ngưng luôn;

- Tháng 11/2017 âm lịch vay 20.000.000 đồng, tháng 12/2017 âm lịch vay 02 lần: lần 50.000.000 đồng, lần 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 100.000.000 đồng, có

ghi vào trang sau của biên nhận ngày 11/3/2017, do chị H viết bằng mực màu xanh, chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, 01 tháng thì trả vốn gốc. Chị H không trả được khoản lãi nào nên đến khoảng tháng 3, tháng 4/2018 âm lịch chị gặp chị H và nhiều lần đòi số tiền 100.000.000 đồng, chị H có trả được cho chị 10.000.000 đồng. Đến tháng 5/2018 âm lịch chị H nhận lại sổ đỏ để vay tiền trả nợ cho chị (số nợ 100.000.000 đồng) nên hai bên tổng kết lại toàn bộ số tiền chị H vay của chị từ ngày 11/3/2017 âm lịch và chị H viết vào mặt sau của giấy nợ ngày 11/3/2017, tổng cộng là 370.000.000 đồng, chữ viết nội dung và ký tên là của chị H nhưng từ khi nhận lại sổ đỏ chị H cũng không trả cho chị được khoản vốn, lãi nào.

Lần vay đầu có mặt anh T, các lần vay sau chỉ có chị và chị H thỏa thuận với nhau, do sơ suất khi khởi kiện chị ghi tên chị Nguyễn Thị Thu H là Nguyễn Thị H. Nay xác định lại người bị chị kiện là Nguyễn Thị Thu H không phải là chị Nguyễn Thị H, còn về tiền lãi đã nhận của chị H chị không nhớ số tiền cụ thể và sổ đỏ giao lại chị H nên không có yêu cầu gì. Do anh T chồng chị H đã chết nên chị yêu cầu chị H trả toàn bộ số tiền nợ là 370.000.000 đồng, đồng ý giảm 5.000.000 đồng cho chị H, còn 365.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ tháng 01/2018 âm lịch đến khi xét xử sơ thẩm, trả làm một lần

*\* Tại biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H) trình bày:*

Về số tiền vay, thỏa thuận lãi suất và thời gian trả đúng như lời chị Trần Thị Diệu T trình bày. Chị còn nợ chị T số tiền vốn gốc là 370.000.000 đồng, chị đã trả lãi, vốn nhiều lần cho cho chị T (không lập giấy tờ gì) là 237.000.000 đồng, chị đồng ý trả tiền lãi cho chị T là 50.000.000 đồng, còn lại số tiền 187.000.000 đồng trừ vào số tiền vốn còn nợ chị T. Nay, chị đồng ý còn nợ chị T số tiền là 183.000.000 đồng, do chồng chị là anh Nguyễn Văn T đã chết nên chị đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ là 183.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng là 2.500.000 đồng đến khi hết nợ

Tại biên bản hòa giải ngày 04/4/2019, chị H thống nhất số tiền còn nợ chị T tổng cộng là 365.000.0000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và đồng ý trả tiền lãi từ tháng 01/2018 âm lịch đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, xin trả trong thời hạn 18 tháng là hoàn tất

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Kim A, Nguyễn Hoàng P do chị Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H) làm đại diện xin vắng mặt nhưng quá trình tố tụng xác định:*

Thống nhất với ý kiến của chị Nguyễn Thị Thu H, không có ý kiến yêu cầu gì khác và xin vắng mặt cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn U do chị Trần Thị Diệu T làm đại diện ủy quyền trình bày:*

Thống nhất ý kiến, yêu cầu của chị T

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Diệu T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H) là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Kim An, chị Nguyễn Hoàng P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh An, chị P

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa chị Trần Thị Diệu T và chị Nguyễn Thị Thu H thể hiện trong giấy nợ ngày 11/3/2017 âm lịch được chị Nguyễn Thị Thu H thừa nhận và đồng ý trả số tiền vốn gốc 365.000.0000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng) cho chị Trần Thị Diệu T là hợp pháp.

Xét số tiền chị H nợ của chị T trong đó có phần nợ chung của anh T và chị H với số tiền vay là 50.000.000 đồng. Anh T đã chết, chị H đồng ý trả toàn bộ số nợ mà chị và anh T vay của chị T, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh T gồm anh An, chị P (do chị H làm người đại diện theo pháp luật) thống nhất với ý kiến chị H.

Ngoài ra, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị T xác định do sơ suất trong việc ghi họ tên của chị Nguyễn Thị Thu H nhầm là Nguyễn Thị H. Nay chị xác định người bị chị khởi kiện là Nguyễn Thị Thu H, ngoài ra không có chị Nguyễn Thị H nợ tiền vay của chị như nội dung nêu trên, việc vay mượn chỉ có chị, chị H và anh T xác lập, không có anh Nguyễn Văn U tham gia.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị H có trách nhiệm trả cho chị T số tiền 365.000.0000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng) là phù hợp;

[2.2] Về tiền lãi:

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu tính lãi suất trên số nợ gốc chị H còn nợ chị theo mức lãi suất không thỏa thuận theo quy định do các khoản tiền vay giữa chị và chị H có các khoản vay có thỏa thuận lãi suất nhưng không được ghi trong giấy nợ ngày 11/3/2017 âm lịch.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tiền lãi mà chị H trả cho chị T như sau:

Từ tháng 01 năm 2018 âm lịch đến 22 tháng 5 năm 2019 (nhằm ngày 18/4/2019 âm lịch) là 16 tháng 17 ngày, tiền lãi là 50.188.717 đồng (365.000.000 đồng x 0.83% x 16 tháng 17 ngày). Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ và có lợi cho chị H, chị H cũng đồng ý trả tiền lãi trên số vốn gốc theo thời gian và mức lãi suất như chị T yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận

Như vậy, chị H phải trả cho chị T nợ gốc là 365.000.000 đồng, nợ lãi là 50.188.717 đồng, tổng cộng là 415.188.717 đồng

[2.3] Về thời gian trả nợ: chị T yêu cầu chị H có trách nhiệm trả số tiền vốn, lãi làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Chị H đã vi phạm sự thỏa thuận nên chị H phải có trách nhiệm trả số tiền 415.188.717 đồng là hoàn toàn có cơ sở. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu chị H trả số tiền vốn lãi là 415.188.717 đồng, cụ thể: lần 1 trả 100.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền còn lại mỗi tháng trả 30.000.000 đồng đến khi hết nợ. Xét yêu cầu trả nợ của chị T đối với chị H là có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H có trách nhiệm trả nợ cho chị T nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Việc lập hồ sơ, tiến hành xét xử của Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm nên Viện kiểm sát không có kiến nghị. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

## 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diệu T

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị H) phải có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Diệu T số tiền 415.188.717 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu một trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm mười bảy đồng). Thời gian trả nợ cụ thể như sau:

- Lần 1: trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật;

- Lần 2: Hàng tháng trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tính từ ngày trả lần 1 cho đến khi hết số tiền nợ

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015*

## 2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 20.607.549 đồng;

- Chị Trần Thị Diệu T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 45956 ngày 27/11/2018 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 46689 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Gò Công Đông

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Vũ**